

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HNGĐ

Ngày 07/ 9/ 2021

V/v: "Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mùa A Phênh
2. Ông Quảng Văn Minh

- Th- ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Ngày 07/9/2021 Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 241/2021/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2021/QĐXX-ST ngày 19/8/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H - Sinh năm 1973 (có mặt).
Trú tại: Thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.
2. Bị đơn: Anh Tòng Văn X - Sinh năm 1973 (có mặt).
Trú tại: Thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 07/7/2021 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Đ, chị Trần Thị H (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Tòng Văn X có tổ chức theo phong tục tập quán và lấy nhau vào năm 1997, khi lấy nhau không đi đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Chúng tôi lấy nhau là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Chung sống hạnh phúc từ ngày cưới đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh X không tu chí làm ăn ngoại tình, sống buông thả theo bạn bè và bị nghiện chất ma túy không có trách nhiệm với bản thân và gia đình. Tôi và gia đình đã khuyên bảo anh X từ bỏ ma túy đi cai nghiện nhưng anh X không nghe vẫn tái nghiện, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Tôi đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay đã được một năm không quay lại. Từ khi ly thân anh X đã bỏ mặc không quan tâm đến tôi và các con. Tôi xét thấy tình cảm giữa tôi và chồng không còn cuộc hôn nhân không có hạnh phúc nên tôi viết đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết cho tôi được ly hôn với anh X.

2. *Về con chung*: Quá trình chung sống chúng tôi có 2 con chung, cháu đầu là Tòng Văn T sinh ngày 09/01/2001, cháu thứ hai Tòng Văn T, sinh ngày 01/6/2003. Hiện các cháu đã trưởng thành và lập gia đình nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. *Về tài sản*: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương. Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/8/2021 anh Tòng Văn X (bị đơn) trình bày như sau:

1. Về hôn nhân: Tôi và cô Trần Thị H lấy nhau năm 1997 và tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, chúng tôi không đi đăng ký kết hôn lấy nhau là tự nguyện, không ai ép buộc. Quá trình chung sống hạnh phúc từ năm 1997 đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tôi mắc vào tệ nạn xã hội bị nghiện chất ma túy hiện nay tôi đang uống thuốc Methadone, bản thân không làm tròn trách nhiệm với vợ con nên chúng tôi đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Hiện tình cảm không còn cô H làm đơn ly hôn tôi đồng ý.

2. Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung, Tòng Văn T sinh ngày 09/01/2001, cháu Tòng Văn Th, sinh ngày 01/6/2003. Hiện các cháu đã trưởng thành và lập gia đình nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả: Nợ lấy về: Diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, không yêu giải quyết về tài sản như nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày. Tại phiên Tòa hôm nay anh X đồng ý ly hôn.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tổ tụng: Bị đơn có địa chỉ tại thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh X chung sống với nhau từ năm 1997 theo phong tục tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn mà chỉ c- ối theo phong tục tập quán đã chung sống với nhau như vợ chồng. Việc anh chị lấy nhau là tự nguyện, không bị ai ép buộc, tuy nhiên theo chị H thì vợ chồng chung sống hạnh phúc từ khi cưới đến năm 2015 mới phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do anh X không tu chí làm ăn, sống buông thả theo bạn bè và bị nghiện ma túy, sống không có trách nhiệm với bản thân và gia đình. Chị và gia đình đã khuyên bảo anh X từ bỏ ma túy nhưng anh X không nghe vẫn tái nghiện, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng làm ảnh hưởng đến cuộc sống của chị cùng các con dẫn đến hai vợ chồng đã ly thân hơn 1 năm nay. Hiện tình cảm không còn nên chị xin ly hôn với anh X.

Theo bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án anh X cũng có chung quan điểm như chị H hai anh chị mâu thuẫn trầm trọng không thể hòa giải và đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Do bản thân anh bị nghiện chất ma túy và đang điều trị uống Methadone, bản thân không làm tròn trách nhiệm với vợ con nên

chúng tôi đã ly thân. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn chị H xin ly hôn anh đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy: Về tình cảm hai vợ chồng của chị H và anh X đã trầm trọng dẫn đến đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai anh chị đã ly thân theo Điều 56 luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H. Tuy nhiên từ năm 1997 đến năm 2021 mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 2000 nhưng anh X và chị H đều khai không đi đăng ký kết hôn.

Xét thấy nguyện vọng xin ly hôn của chị H là phù hợp với qui định tại Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên hôn nhân giữa chị H và anh X là hôn nhân không hợp pháp. Do vậy HĐXX không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh X và chị H

[2]. Về con chung: Hai anh chị đều công nhận có 2 con: Tòng Văn T sinh ngày 09/01/2001, cháu Tòng Văn Th, sinh ngày 01/6/2003. Hiện các cháu đã trưởng thành và lập gia đình nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu của 2 anh chị là phù hợp quy định tại Điều 69 70 của luật hôn nhân gia đình 2014 HĐXX chấp nhận.

[3]. Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; Diện tích ruộng nương chị H và anh X không đề nghị Tòa án giải quyết do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS và Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 70 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/ Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Trần Thị H và anh Tòng Văn X là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị H và anh X có 02 con chung, Tòng Văn Th sinh ngày 09/01/2001, cháu Tòng Văn T, sinh ngày 01/6/2003. Hiện các cháu đã trưởng thành và lập gia đình nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản: Chấp nhận việc không yêu cầu Tòa án chia tài sản của nguyên đơn và bị đơn.

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS và Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, chị H đã

nộp tạm ứng số tiền 300.000đ theo biên lai số: AA/2020/0000938 ngày 09/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. (chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (07/9/2021).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bạc Thị Liên

